

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2024

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Xuân Thù.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 201/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; có mặt.

Bị đơn: Ông Kiều Thành C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Kiều Thành C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1981; trong cuộc sống hôn nhân, chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, tôi xin được ly hôn với ông Kiều Thành C.

- Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là cháu Kiều Nguyễn Cuối H, sinh năm 1982; Kiều Nguyễn Trung H1, sinh năm 1984, Kiều Thành Đ, sinh năm 1993 và cháu Kiều Thị Ly N, sinh năm 1990. Các con đã đủ 18 tuổi tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện nộp.

Bị đơn: Đề nghị giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn.

Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Kiểm viên sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Kiều Thành C .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung vì vậy Tòa án xác định vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và anh Lê Trường A tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1981, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng về quan điểm sống nên nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kiều Thành C là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Kiều Thành C.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 141 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002910 ngày 02/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký